

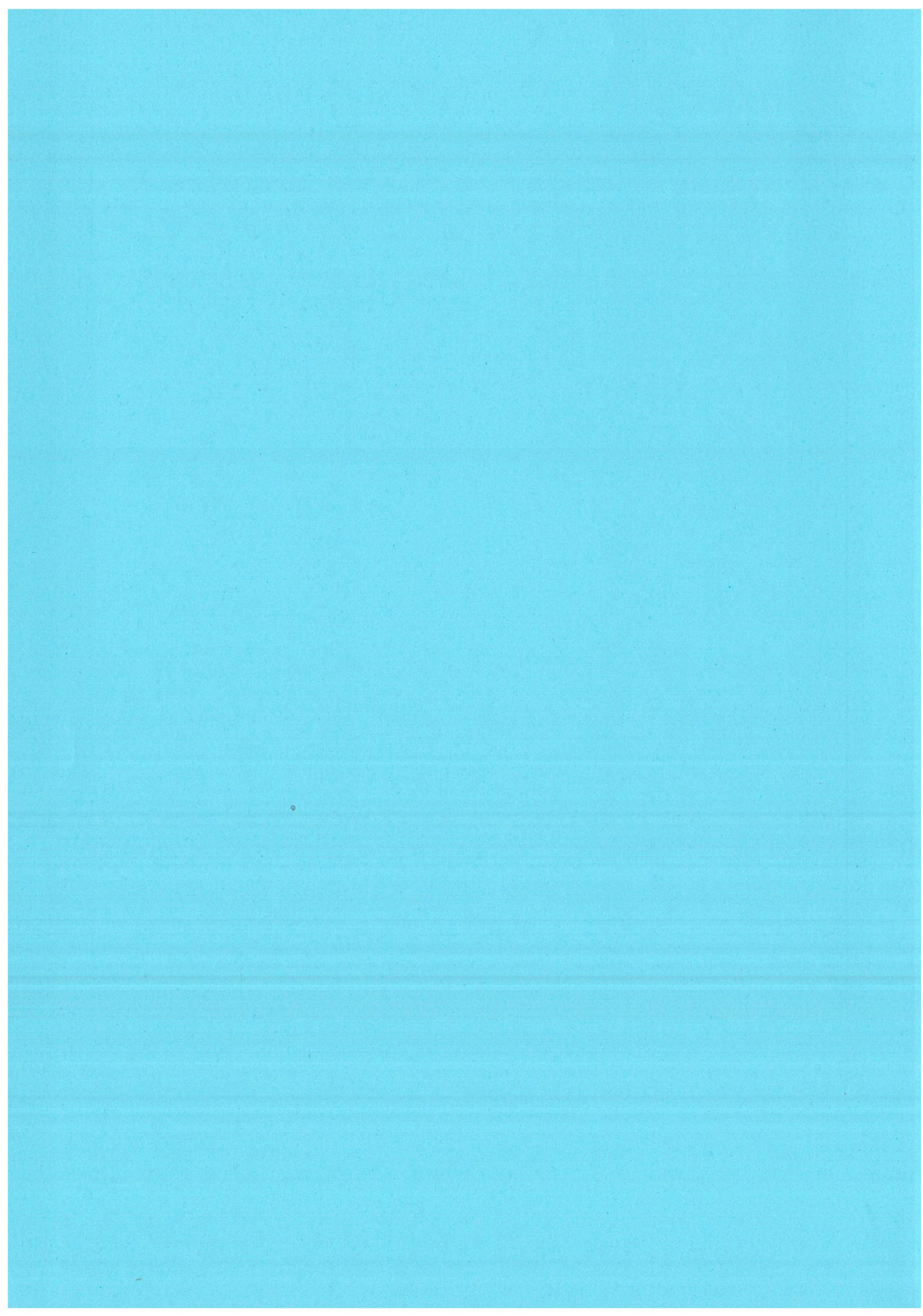
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Hà Nội, Ngày tháng năm 2017



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ Trụ sở: 478 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 3.862.4025 - Fax (84.24) 3.862.2867

Chi nhánh tại TP. HCM: 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3.920.1396 - Fax: (84.28) 3.920.2215

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
VIỆN DỆT MAY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 272/TTr-VDM

V/v: Xin phê duyệt Điều lệ Viện Dệt May -
Công ty cổ phần

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: - Bộ Công Thương;

- Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt may thành công ty cổ phần,

Căn cứ Công văn số 1569/TTg-ĐMDN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 4770/QĐ-BCT ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 4923/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý đề CPH,

Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt, Viện Dệt May trình Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo xem xét và phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Dệt May – Công ty cổ phần.

Trân trọng cảm ơn!

VIỆN TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.



MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	01
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	03
Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	03
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Viện nghiên cứu Dệt May – Công ty cổ phần	04
Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân	05
Điều 4. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI	05
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN	07
Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần	07
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	08
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần	09
Điều 8. Thừa kế cổ phần	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
CHƯƠNG IV. LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG	11
Điều 11. Lao động và tuyển dụng lao động	11
Điều 12. Tiền lương	12
Điều 13. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động	12
CHƯƠNG V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	12
Điều 14. Các quyền cơ bản của công ty	12
Điều 15. Quyền quản lý và sử dụng các nguồn lực của công ty	13
Điều 16. Quyền tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh	13
Điều 17. Quyền quản lý tài chính	13
Điều 18. Các nghĩa vụ cơ bản của công ty	14
Điều 19. Nghĩa vụ quản lý và sử dụng các nguồn lực của công ty	14
Điều 20. Nghĩa vụ tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh	15
Điều 21. Nghĩa vụ đối với nhà nước	15
Điều 22. Các nghĩa vụ khác	15

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VTRI	16
Điều 23. Quyền hạn của Cổ đông	16
Điều 24. Nghĩa vụ của Cổ đông	18
Điều 25. Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 27. Người đại diện theo ủy quyền và Người được ủy quyền dự họp	21
Điều 28. Thay đổi các quyền	23
Điều 29. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo	23
Điều 30. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 31. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 32. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	26
Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 34. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 35. Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	28
Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VTRI	30
Điều 37: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 38. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 39. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
CHƯƠNG VIII. BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 41. Ban kiểm soát	38
CHƯƠNG IX. VIỆN TRƯỞNG, BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ VTRI	41
Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI	41
Điều 43. Viện trưởng	42
CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, VIỆN TRƯỞNG VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	43
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	44
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VTRI	46

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	46
CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	47
Điều 47. Cổ tức	47
Điều 48. Phân phối lợi nhuận sau thuế	48
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	49
Điều 49. Tài khoản ngân hàng	49
Điều 50. Năm tài chính	49
Điều 51. Hệ thống kế toán	49
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	49
Điều 52. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý	49
Điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	50
Điều 54. Báo cáo thường niên	50
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN VTR	50
Điều 55. Kiểm toán	50
CHƯƠNG XVI. CON DẤU	51
Điều 56. Con dấu	51
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	51
Điều 57. Chấm dứt hoạt động	51
Điều 58. Thanh lý	51
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	52
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ	52
CHƯƠNG XIX. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	53
Điều 60. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội	53
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	53
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 62. Ngày hiệu lực	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;
- Công văn số 1569/TTg-ĐMDN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Quyết định số 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 4770/QĐ-BCT ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 4923/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần (VTRI) đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của VTRI.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1 “Viện”: “VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY – CÔNG TY CỔ PHẦN”;

- Tên giao dịch Quốc tế: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE (VTRI);

1.2 “Địa bàn kinh doanh”: Phạm vi địa lý mà Viện thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

1.3 “Vốn điều lệ”: Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

1.4 “Luật Doanh nghiệp”: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;

1.5 “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm;

1.6 “Người quản lý”: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm;

1.7 “Ngày thành lập”: Ngày được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Viện hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần;

1.8 “Pháp luật”: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) tại từng thời điểm;

1.9 “Người có liên quan”: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;

1.10 “Cổ đông”: Mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của VTRI; hoặc một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi VTRI thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

1.11 “Thời hạn hoạt động”: Thời hạn hoạt động của VTRI được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và có thể được thay đổi thông qua một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- 1.12 “Việt Nam”: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 1.13 “Người đại diện theo ủy quyền”: Người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản hoặc ủy quyền hợp pháp để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật;
- 1.14 “Người được ủy quyền dự họp”: Người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân) hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 1.15 “Chi nhánh”: Đơn vị phụ thuộc của VTRI được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của VTRI kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của VTRI;
- 1.16 “Quy chế quản trị nội bộ” là quy chế nội bộ về quản trị công ty của VTRI, được xác lập theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư đó tại từng thời điểm;
- 1.17 “Cổ đông chiến lược” trong Điều lệ này là các Cổ đông đã ký Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với Viện Nghiên cứu Dệt May – Công ty cổ phần để trở thành Cổ đông chiến lược của VTRI.
2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ.
3. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.
4. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được dẫn chiếu sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính

- a) Tên tiếng Việt: **Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần;**
- b) Loại hình hoạt động: **Công ty cổ phần;**
- c) Tên giao dịch quốc tế: **VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE;**
- d) Tên viết tắt là: **VTRI;**
- e) Trụ sở chính: 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- f) Điện thoại: (84-24) 38624025; Fax: (84-24) 38622867;
- g) Website: www.viendetmay.org.vn

2. VTRI sau khi cổ phần hóa có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Viện, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan. Viện kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của VTRI trước khi chuyển đổi, được tiếp tục kinh doanh các ngành nghề hiện VTRI đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

3. Viện trưởng là Người đại diện theo pháp luật của VTRI.

4. VTRI có thể thành lập Chi nhánh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi các đơn vị trực thuộc VTRI tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của VTRI, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và theo quy định của Pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của VTRI là vô thời hạn trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác đi.

Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Hình thức tổ chức: VTRI được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Viện Dệt May là đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tư cách pháp nhân: VTRI có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI

1. Mục tiêu

1.1 Chuyển đổi Viện Dệt May từ loại hình đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước làm chủ sở hữu sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hình thức Công ty cổ phần có nhiều chủ sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế;

1.2 Đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;

1.3 Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Ngành nghề kinh doanh

2.1 Các ngành nghề kinh doanh chính gồm:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
7120 (lĩnh vực chính)	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật + Dịch vụ Chứng nhận, giám định, thử nghiệm, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giấy, giấy, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường + Dịch vụ hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường
7210 (lĩnh vực chính)	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên + Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên + Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ + Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.
1311	Sản xuất sợi
1312	Sản xuất vải dệt thoi
1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
1321	Sản xuất vải dệt kim, vải đan ngang và vải không dệt khác
1322	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
1329	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu
1410	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
1430	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
2030	Sản xuất sợi nhân tạo
2651	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
2826	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da
33120	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4641	Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép...
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4669	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
4751	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
52219	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
6321	Hoạt động thông tấn

6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7020	Hoạt động tư vấn quản lý
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
8532	Giáo dục nghề nghiệp
8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
9412	Hoạt động của hội nghề nghiệp
9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú

2.2 Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

3.1 VTRI được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của VTRI.

3.2 VTRI có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của VTRI là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn). Vốn điều lệ của VTRI được chia thành 5.000.000 (năm triệu) cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần).

2. Tất cả các cổ phần được phát hành vào ngày thông qua bản Điều lệ đầu tiên của VTRI đều là cổ phần phổ thông, không có cổ đông sáng lập, kể cả các cổ phần do Nhà nước sở hữu. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 23, Điều 24 của Điều lệ này.

3. VTRI chỉ có thể tăng Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật trừ quy định tại khoản 7 và 8 Điều này.

4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, VTRI có thể phát hành cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VTRI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. VTRI phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một (21) ngày), để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối hoặc tặng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. VTRI có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào mà Pháp luật cho phép và nếu phù hợp, trong phạm vi tất cả các thẩm quyền quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Bất kỳ cổ phần nào được VTRI mua lại (cổ phiếu quỹ) đều có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật.
7. Khi có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật.
8. Trong các trường hợp sau Vốn điều lệ tăng mà không cần Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu của VTRI và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần của VTRI, thì cũng coi như đã thông qua việc điều chỉnh Vốn điều lệ tương ứng vào thời điểm người sở hữu các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt. Vốn điều lệ của VTRI sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua mà không cần phải xin thêm chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp đó, Hội đồng quản trị coi như đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để thực hiện các thủ tục hoàn tất các vấn đề có liên quan để điều chỉnh Vốn điều lệ tương ứng.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

2. Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) của VTRI còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, Cổ đông của VTRI được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VTRI hoặc ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VTRI, Cổ đông không phải trả cho VTRI chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu bị rách, hoặc bị tẩy xóa, hoặc bị mất, hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người sở hữu cổ phần theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải chứng minh được (trong trường hợp chứng chỉ cũ bị mất hoặc bị tiêu hủy) và thanh toán các chi phí cho VTRI theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của VTRI (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp Pháp luật liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của VTRI.
7. Trong khuôn khổ các quy định của Pháp luật và thị trường chứng khoán, VTRI có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần này được chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tại Điều này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và điểm 10 khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của VTRI. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu năm (05) năm kể từ ngày VTRI được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi được thực hiện theo quy định riêng đối với từng loại cổ phần ưu đãi.

Điều 8. Thừa kế cổ phần

1. VTRI tôn trọng quyền thừa kế cổ phần và việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan.

2. Trong trường hợp Cổ đông qua đời, VTRI công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của Cổ đông đã qua đời:

2.1 Người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật;

2.2 Trường hợp có nhiều người cùng có quyền thừa kế cổ phần của Cổ đông đã qua đời thì họ phải cử một (01) người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận của công chứng và tuân thủ những quy định trong Điều lệ này. VTRI không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông, không miễn trừ trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà Cổ đông đã qua đời đã từng sở hữu.

4. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VTRI, nhưng người nhận thừa kế cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp) số tiền mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất lũy kế (nếu có) trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho VTRI.

2. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào trước khi Cổ đông thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của VTRI và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị nhận định là phù

hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

4. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho VTRI tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho VTRI cộng với lãi suất theo tỷ lệ tại nghị quyết của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp; có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của VTRI bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Lãnh đạo Viện.

CHƯƠNG IV LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 11. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động; Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký giữa Viện trưởng (hoặc người được Viện trưởng ủy quyền) với người lao động không trái với quy định pháp luật hiện hành.

Viện trưởng có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động, quy định của công ty không trái với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 12. Tiền lương

Tiền lương, các khoản phụ cấp lương và tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 13. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty.

Người lao động được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan quản lý lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 14. Các quyền cơ bản của công ty

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
2. Lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh;
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng ;
4. Lựa chọn hình thức và cách huy động vốn ;
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu ;
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh ;
7. Tự chủ kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh ;
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kì cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích ;

9. Phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật ;

10. Các quyền khác quy định tại Điều lệ này hoặc được pháp luật quy định.

Điều 15. Quyền quản lý và sử dụng các nguồn lực của công ty

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý sở hữu của Công ty ; quyền sử dụng đất của công ty (sau đây gọi tắt là các nguồn lực của công ty) theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của công ty.

2. Công ty có quyền phân, giao lại và điều chỉnh những nguồn lực đã phân, giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn công ty.

3. Công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty. Đối với đất đai của công ty thuộc quyền sử dụng của công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Quyền tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh

Công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động kinh doanh tại công ty như sau :

1. Tổ chức bộ máy quản lý, bố trí sử dụng lao động, tổ chức hoạt động kinh doanh, xuất- nhập khẩu phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ;

2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp trình độ, năng lực sản xuất và quản lý ;

3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước và ở ngoài nước theo quy định của pháp luật ;

4. Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng của công ty và nhu cầu của thị trường ;

5. Tổ chức kinh doanh những ngành nghề khác nếu Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung ;

6. Mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với công ty ở Việt Nam theo quy định về tiếp khách của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật ;

7. Quyết định cử người của công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền quản lý tài chính

Công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh đảm bảo hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ khác trái với mục đích sử dụng thì phải tuân theo nguyên tắc hoàn trả.

2. Tự huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu; được phát hành trái phiếu và cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

3. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá, chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư hoặc các chế độ ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước;

4. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế tài chính Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 18. Các nghĩa vụ cơ bản của công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký;

2. Lập chứng từ kế toán, sổ kế toán và lập báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, trung thực, kịp thời;

3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật ;

4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh;

6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động ; tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của pháp luật ;

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh ;

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Nghĩa vụ quản lý và sử dụng các nguồn lực

1. Công ty có nghĩa vụ sử dụng có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn điều lệ của Công ty, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, liên doanh ; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác của công ty để thực hiện mục tiêu kinh doanh và những nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định ;

2. Công ty có nghĩa vụ thực hiện:

a) Các khoản nợ phải thu, phải trả ghi trong Bảng cân đối kế toán của công ty tại thời điểm cổ phần hóa công ty ;

b) Trả các khoản tín dụng mà công ty đang sử dụng ;

c) Sử dụng và sắp xếp, đào tạo lại số lao động hiện đang làm việc tại công ty hoặc tuyển dụng thêm tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần cho phù hợp với kế hoạch kinh doanh và quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 20. Nghĩa vụ tổ chức quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh

Công ty có nghĩa vụ quản lý hoạt động kinh doanh như sau:

1. Đăng ký kinh doanh và tiến hành các hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ do công ty thực hiện, cung ứng;

2. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với nhu cầu thị trường ;

3. Kiểm tra, đàm phán với đối tác để có thể ngừng thực hiện các hợp đồng đã kí (thanh lý hợp đồng) hoặc ký lại hợp đồng, hoặc tiếp tục tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác cũng như các tổ chức, cá nhân trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần;

4. Đổi mới hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý; thu thập từ chuyên nhượng tài sản phải được sử dụng bổ sung vốn kinh doanh hoặc để tái đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ của công ty ;

5. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định của nhà nước và báo cáo thường xuyên, báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông ; chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo đó.

Điều 21. Nghĩa vụ đối với Nhà nước

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng chế độ với các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, về kế toán, hạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do nhà nước quy định, chịu trách nhiệm về tính chính xác thực và hợp pháp của các hoạt động tài chính của công ty ;

2. Công ty thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật .

Điều 22. Các nghĩa vụ khác

Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật và của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VTRI

Điều 23. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu VTRI và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Theo khoản 2 Điều 5 của Điều lệ này, VTRI không có cổ đông sáng lập. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi các cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:

2.1 Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

2.2 Nhận cổ tức với mức quy định của Đại hội đồng cổ đông;

2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;

2.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

2.7 Trường hợp VTRI giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào VTRI sau khi VTRI đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông sở hữu loại cổ phần khác của VTRI theo quy định của Pháp luật;

2.8 Yêu cầu VTRI mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;

2.9 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

2.10 Người sở hữu cổ phần ưu đãi mùa thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP có các quyền như người sở hữu các cổ phần phổ thông.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho VTRI toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa. Khi VTRI thực hiện quyền mua lại, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các vấn đề có liên quan thay mặt VTRI. Nếu người lao động đó không thực hiện việc chuyển nhượng lại cho VTRI thì VTRI tự làm thủ tục và thông báo cho Cổ đông đó đến nhận tiền. Số cổ phần mua lại trong trường hợp này được coi là cổ phần thu về và

được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tái phân phối những cổ phần này cho nhân viên VTRI với cùng mục đích ưu đãi, hoặc bán ra thị trường, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền như sau:

3.1 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các điểm 2.2 khoản 2 Điều 37 và khoản 3 Điều 44 của Điều lệ này;

3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, trách nhiệm của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

3.3 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

3.4 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3.5 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VTRI khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3.6 Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

3.7 Ngoài các quyền nêu trên, Cổ đông chiến lược còn có thêm các quyền hạn của Cổ đông chiến lược như được quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa VTRI và Cổ đông chiến lược.

Điều 24. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1.1 Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế quản trị nội bộ của VTRI; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

1.2 Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi số vốn đã góp vào VTRI. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VTRI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VTRI hoặc người khác mua lại cổ phần;

1.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho VTRI khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký;

1.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Pháp luật quy định; và

1.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VTRI dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm Pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VTRI;

d. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

1.6 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

2. Cổ đông chiến lược còn có thêm các trách nhiệm và nghĩa vụ của Cổ đông chiến lược như được quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa VTRI và Cổ đông chiến lược.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VTRI. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định, đặc biệt

là thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VTRI. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của VTRI và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;

3.2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu giảm ít nhất một nửa số vốn;

3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định;

3.4 Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản yêu cầu có thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan);

3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

3.6 Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Trách nhiệm triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông:

4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên được quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3.4 và 3.5 khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.

4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ phải thay Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.

4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm (d) khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

4.4 Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do VTRI trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4.5 Người triệu tập phải lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật.

Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1.1 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;

1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát;

1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;

1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của VTRI;

1.5 Phân phối lợi nhuận và mức cổ tức đối với cổ phần từng loại.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

2.1 Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;

2.2 Phân phối lợi nhuận;

2.3 Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.4 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.5 Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;

2.6 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Lãnh đạo Viện;

2.7 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

2.8 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;

2.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VTRI;

2.10 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VTRI và chỉ định người thanh lý;

- 2.11 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VTRI và các Cổ đông của VTRI;
- 2.12 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của VTRI được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được kiểm toán;
- 2.13 VTRI mua hoặc mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;
- 2.14 VTRI hoặc Chi nhánh của VTRI ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán;
- 2.15 Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- 2.16 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông chiến lược;
- 2.17 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của VTRI và quy định của Pháp luật có liên quan.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- 3.1 Các hợp đồng quy định tại điểm 2.14 khoản 2 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
- 3.2 Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người có liên quan nào của Cổ đông đó, trừ trường hợp mua lại cổ phần theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông theo khoản 3 Điều 130 Luật Doanh nghiệp.
- 3.3 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 27. Người đại diện theo ủy quyền và Người được ủy quyền dự họp

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông có thể cử nhiều hơn một (01) Người đại diện theo ủy quyền, song phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện, đồng thời số cổ phần của mỗi đại diện không thấp hơn ba (03)% tổng số cổ phần phổ thông. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VTRI trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1.1 Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông;
- 1.2 Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại VTRI;

1.3 Số lượng, họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Người đại diện theo ủy quyền;

1.4 Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần được ủy quyền đại diện;

1.5 Thời hạn đại diện theo ủy quyền (ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền);

1.6 Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

2. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định Pháp luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp tham dự. Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết phải là Cổ đông.

3. Hồ sơ chỉ định Người được ủy quyền dự họp phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của VTRI hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận:

3.1 Trong trường hợp Cổ đông là cá nhân thì phải được ký bởi Cổ đông đó và Người được ủy quyền dự họp;

3.2 Trong trường hợp Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và Người được ủy quyền dự họp;

3.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và Người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp văn bản chỉ định Người được ủy quyền dự họp được một luật sư ký nhân danh cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký trong VTRI) nộp cùng với thư chỉ định Người được ủy quyền dự họp. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định Người được ủy quyền dự họp sẽ bị vô hiệu.

5. Giá trị của phiếu bầu của Người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền:

5.1 Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.2 Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc;

5.3 Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, khoản này sẽ không áp dụng nếu VTRI nhận được thông báo bằng văn bản về một trong ba trường hợp nêu trên chậm nhất bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 28. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% số cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được các Cổ đông sở hữu ít nhất bảy mươi lăm (75)% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua, riêng các Cổ đông có cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông sở hữu một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp của họ) và sở hữu tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Không trái với các quy định tại khoản 1 Điều này, thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt quy định tại Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 30, 31, 32, 33, 34 và 35 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt liên quan đến việc chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của VTRI gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi sẽ không bị thay đổi vì việc phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 29. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm 4.2 và 4.3 khoản 4 Điều 25 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

2.1 Chuẩn bị một Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của VTRI;

2.2 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

2.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;

2.4 Các công việc cần thiết khác.

3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

3.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số

doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông là cá nhân; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của VTRI hoặc, khi xét thấy cần thiết, đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.

3.3 Các tài liệu kèm theo thông báo mời họp (chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, mẫu chỉ định Người được ủy quyền dự họp...) được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI.

3.4 Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu quy định tại điểm 3.3 khoản này và VTRI phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho VTRI ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:

5.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu đủ ít nhất mười (10)% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu (06) tháng trở lên;

5.3 Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;

5.4 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6. Đối với các vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết.

7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện một trăm (100)% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền hoặc Người được ủy quyền dự họp tại Đại hội đồng cổ đông thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều hợp lệ kể cả trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập một cách không đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 30. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày,

kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba (33)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 31. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.2 Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

2.4 Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

6.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

6.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

7.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

7.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

7.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn hoặc tạm dừng tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Cách thức bầu người thay thế chủ tọa được thực hiện theo trình tự tại khoản 2 Điều này. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 32. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành:

1.1 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

1.2 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

1.3 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý VTRI;

1.4 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được kiểm toán của VTRI;

1.5 Tổ chức lại, giải thể VTRI.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của VTRI. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa và thư ký ký xác nhận, được lập và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 34. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị

quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

Điều 35. Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả những vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VTRI.

3. Các nghị quyết có thể được các Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Điều này.

4. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Việc lập Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 29 của Điều lệ này.

Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Đồng thời, Hội đồng quản trị đăng phiếu lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của VTRI hoặc, khi xét thấy cần thiết, trên báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI. Hội đồng quản trị phải gửi các tài liệu trên cho Cổ đông nếu Cổ đông có yêu cầu.

5. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

5.2 Mục đích lấy ý kiến;

5.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

5.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

5.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

5.6 Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VTRI;

5.7 Nơi, cách thức tải dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI;

5.8 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của VTRI.

6. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VTRI theo một trong các hình thức sau đây:

6.1 Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

6.2 Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

7. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không giữ chức vụ quản lý của VTRI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

7.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

7.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

7.3 Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

7.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

7.5 Các vấn đề đã được thông qua;

7.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của VTRI, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI trong vòng một (01) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, hoặc Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài (nếu có thẩm quyền) xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VTRI

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên của Hội đồng quản trị phải có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định của luật Doanh nghiệp;
4. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của VTRI;
- c. Thành viên đó bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;
- d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất để chấp thuận thành viên mới này. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

2.5 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 38. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của VTRI phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của VTRI trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

2.1 Quyết định kế hoạch trung hạn và kế hoạch hoạt động và ngân sách hằng năm của VTRI; Quyết định việc tăng giảm vốn góp vào doanh nghiệp khác;

2.2 Kiến nghị các loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán của từng loại;

2.3 Quyết định cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý nội bộ của VTRI;

2.4 Giám sát, chỉ đạo Viện trưởng và Người quản lý khác thuộc thẩm quyền của mình theo cơ chế được đề cập trong Quy chế quản trị nội bộ.

2.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức đối với Viện trưởng và Người quản lý khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc đề nghị của Viện trưởng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức lương và lợi ích khác của những Người quản lý đó; cử Người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định mức tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó;

- 2.6 Giải quyết các khiếu nại đối với Người quản lý của VTRI cũng như quyết định lựa chọn đại diện của VTRI để giải quyết các vấn đề liên quan đến các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
- 2.7 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- 2.8 Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có kèm chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; trừ hai loại trái phiếu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định phát hành các loại trái phiếu khác, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- 2.9 Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 2.10 Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- 2.11 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư (bao gồm các hình thức đầu tư theo quy định của Pháp luật: đầu tư kinh doanh, đầu tư tài chính, đầu tư dự án đầu tư xây dựng...) có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được kiểm toán của VTRI;
- 2.12 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 2.13 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 2.14 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- 2.15 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 2.16 Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản VTRI;
- 2.17 Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VTRI sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 3.1 Thành lập, giải thể Chi nhánh của VTRI;
- 3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp

nhất gần nhất đã được kiểm toán của VTRI. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm (1) khoản 2 Điều 14 và khoản 4 Điều 46 của Điều lệ này;

3.3 Chỉ định và bãi nhiệm những người/tổ chức được VTRI ủy nhiệm là đại diện cho thương nhân có thẩm quyền (theo luật thương mại) và luật sư của VTRI;

3.4 Mọi việc vay nợ, cho vay, bảo lãnh và việc thực hiện mọi khoản bảo đảm và bồi thường của VTRI với mức giá trị được quy định tại Quy chế quản trị nội bộ;

3.5 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm vượt quá năm (05) tỉ đồng hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười (10)% giá trị kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

3.6 Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

3.7 Việc định giá các tài sản góp vào VTRI không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của VTRI, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

3.8 Việc VTRI mua hoặc thu hồi không quá mười (10)% mỗi loại cổ phần;

3.9 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của VTRI.

4. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các tài liệu và báo cáo, bao gồm: báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và gửi đến Ban kiểm soát ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Người quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho VTRI.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Viện trưởng và Người quản lý khác thuộc phạm vi thẩm quyền của mình trong năm tài chính. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của VTRI sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) nhận được khoản tiền thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VTRI theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VTRI, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

8. Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và không cần xét đến việc chức vụ đó có được giữ vị trí công việc mang tính chất điều hành hay không); hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị; hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

10. Các thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của họ khi thực hiện giao dịch cổ phần của VTRI phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của Pháp luật.

11. VTRI có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ VTRI.

Điều 39. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Viện trưởng. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Viện trưởng phải được phê chuẩn tại Đại hội cổ đông hàng năm;

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

2.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.2 Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

2.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của VTRI, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.4 Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

2.5 Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

2.6 Kiến nghị lên Hội đồng quản trị về việc bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm Viện trưởng. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Viện trưởng;

2.7 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hợp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

3.1 Viện trưởng hoặc Người quản lý;

3.2 Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

3.3 Đa số thành viên trong Ban kiểm soát;

3.4 Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình VTRI. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản này. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VTRI, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VTRI hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất

của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

5. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực trở về trước. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VTRI.

6. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Biểu quyết:

7.1 Trừ quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

7.2 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của VTRI; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của VTRI. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại khoản 4 Điều 46 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7.3 Theo quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị chung thẩm và là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công

bổ một cách thích đáng.

8. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải công khai bản chất, nội dung (kể cả các sửa đổi, bổ sung) các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc trách nhiệm được đề cập tại điểm 3.16 khoản 3 Điều 48 Điều lệ này. Việc chấp thuận hay không cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó được các thành viên còn lại quyết định theo cách thức biểu quyết công khai.

10. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị theo phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc.

11. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

11.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

11.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo quy định trên sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng

một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (01) thành viên trở lên ký.

13. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

14.1 Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban;

14.2 Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Viện trưởng và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý của VTRI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của

VTRI và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

1.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VTRI, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VTRI bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này.

1.5 Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.

1.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.

1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Viện trưởng vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp, Điều 47 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.8 Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VTRI để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.9 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VTRI.

1.10 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VTRI.

2. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của VTRI thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

2.1 Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI;

2.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

2.3 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

2.4 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của các cơ quan quản lý của VTRI;

2.5 Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Điều

166, Điều 167 và Điều 168 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu thành viên Ban kiểm soát.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Viện trưởng và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát không được nhiều hơn ba (03) thành viên, số lượng cụ thể sẽ được Hội đồng quản trị trình (khi thấy cần thiết) và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn theo điểm 2.4 khoản 2 Điều 26 Điều lệ này. Trong đó phải có ít nhất một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán và không phải là thành viên có phần vốn góp hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập bên ngoài đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI hoặc nhân viên kế toán của chính VTRI. Thành viên Ban kiểm soát có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam nhưng phải đảm bảo có hơn một nửa (1/2) số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về tài chính kế toán và làm việc chuyên trách tại VTRI.

6. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

6.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tọa cuộc họp;

6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Viện trưởng và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

6.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

7. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.

8. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

9. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa

là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành;

3.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

3.9 Viện trưởng sẽ là người đại diện cho VTRI hoặc ủy quyền cho Người quản lý khác để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;

3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Viện trưởng có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Viện trưởng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;

3.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ VTRI và Pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:

Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Viện trưởng theo hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 40 của Điều lệ này (không kể biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Viện trưởng) và bổ nhiệm một Viện trưởng mới thay thế.

6. Viện trưởng có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

6.1 Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của VTRI;

6.2 Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

6.3 Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VTRI;

6.4 Vi phạm Pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, VIỆN TRƯỞNG VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của VTRI và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm:

2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

2.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI.

là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

10. Một thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

10.1 Thành viên đó bị Pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

10.2 Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của VTRI;

10.3 Thành viên đó bị ảnh hưởng của chứng rối loạn tâm thần và những thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó bị mất năng lực hành vi dân sự;

10.4 Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng sáu (06) tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;

10.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IX

VIỆN TRƯỞNG, BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ VTRI

Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI

Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. VTRI có một (01) Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, một (01) Giám đốc điều hành và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng (gọi chung là Lãnh đạo Viện). Viện trưởng và các Phó Viện trưởng, Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó:

1. Phó Viện trưởng và Giám đốc điều hành là người giúp Viện trưởng một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Viện trưởng; chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng là người giúp Viện trưởng chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Theo đề nghị của Viện trưởng và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra.

4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Viện trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản

lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Viện trưởng đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 43. Viện trưởng

1. Bổ nhiệm:

1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Viện trưởng và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Viện trưởng:

a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;

b, Có trình độ từ Thạc sĩ trở lên và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Viện trưởng là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Viện trưởng có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

3.2 Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, trừ hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

3.3 Đề nghị về số lượng và nhân sự các vị trí Người quản lý mà VTRI cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong VTRI, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Viện trưởng phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

3.5 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

3.6 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của VTRI;

3.7 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI (sau đây gọi

3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây:

4.1 Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông của VTRI và Người có liên quan của họ; hoặc

4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc

4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên

Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng, Người quản lý khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VTRI

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc Người đại diện theo ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của VTRI và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc người đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Viện trưởng và Người quản lý khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của VTRI, danh sách Cổ đông và

những sổ sách và hồ sơ khác của VTRI vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. VTRI sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mọi Cổ đông đều có quyền có được một (01) bản Điều lệ VTRI miễn phí. Điều lệ này phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

CHƯƠNG XII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 47. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VTRI.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VTRI.

3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. VTRI sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng tiền mặt, các cổ phiếu hoặc trái phiếu khác đã được thanh toán hết tiền mua do VTRI phát hành, hoặc các tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của VTRI) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi VTRI đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông. Nếu VTRI đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì VTRI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ

khoản tiền nào được VTRI chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định của Pháp luật.

7. Theo chấp thuận của các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.

8. Theo Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của VTRI mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 48. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Hàng năm VTRI phân phối lợi nhuận (kế toán) sau thuế như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước;
2. Số lợi nhuận còn lại (sau khi trừ khoản lỗ của các năm trước quy định tại khoản 1 Điều này) được phân phối như sau:
 - 2.1 Trích quỹ đầu tư phát triển;
 - 2.2 Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;
 - 2.3 Trích thưởng ban quản lý điều hành;
 - 2.4 Chia cổ tức;
 - 2.5 Để lại năm sau (nếu có).

Mức trích cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. VTRI sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, VTRI có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết.
3. VTRI sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VTRI mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của VTRI bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 51. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán được VTRI sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
2. VTRI sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. VTRI sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà VTRI tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VTRI.
3. VTRI sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 52. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và

khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu (06) tháng (báo cáo tài chính hợp nhất) và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo năm, sáu (06) tháng của VTRI phải được công bố trên website của VTRI.

Điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu có) và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV KIỂM TOÁN VTRI

Điều 55. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, một hoặc một số công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và trong danh sách hàng năm được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành sẽ được lựa chọn để VTRI chỉ định một công ty trong số đó tiến hành các hoạt động kiểm toán đối với VTRI.

2. Các kiểm toán viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho VTRI phải có chứng chỉ hành nghề do Bộ Tài chính cấp.

3. VTRI sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của VTRI.

5. Một kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán VTRI sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua con dấu chính thức của VTRI và Hội đồng quản trị có thể xác định nội dung của con dấu theo những quy định của Pháp luật.
2. Viện trưởng có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.

CHƯƠNG XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. VTRI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1 Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố VTRI phá sản theo quy định Pháp luật hiện hành;
 - 1.2 Khi các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành;
 - 1.3 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể VTRI đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 58. Thanh lý

1. Khi có một quyết định giải thể VTRI, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập ban thanh lý ("Ban Thanh lý") gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VTRI hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý sẽ được VTRI ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VTRI.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt VTRI trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VTRI trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1 Các chi phí thanh lý;

- 3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;
- 3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà VTRI phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
- 3.4 Các khoản vay (nếu có);
- 3.5 Các khoản nợ khác của VTRI;
- 3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của VTRI hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Luật Doanh nghiệp hay các quy định khác của Pháp luật, giữa:

1.1 Một Cổ đông hay các Cổ đông với VTRI; hoặc

1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Viện trưởng hay Người quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Án phí sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIX

TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 60. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó.
3. Viện trưởng phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Những vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định Pháp luật hiện hành của Việt Nam và các thông lệ thương mại quốc tế.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này bao gồm 21 chương và 62 điều, được Đại hội đồng cổ đông VTRI thông qua tại Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày và có hiệu lực từ ngày tháng năm 201.....
2. Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một (01) bản lưu trữ tại trụ sở chính của VTRI.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VTRI.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
VIỆN TRƯỞNG

